TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển;

Ông Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2025 "V/v Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê T, sinh năm 1992; Đại chỉ:, TT T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đ, sinh năm 1993. Địa chỉ: TT Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Lê T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Nguyễn Đ tìm hiểu quen nhau rồi đăng ký kết hôn tại UBND TT tỉnh Vĩnh Long, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh mâu thuẩn, vợ chồng không tìm được tiếng nói, từ những

nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt nay tôi xin được ly hôn với Nguyễn Đ;

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 10/02/2021, hiện nay đang sống với tôi, tôi yêu cầu nuôi con và không yêu cầu Nguyễn Đ cấp dưỡng nuôi con,

Về tài sản chung Lê T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung Lê T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

* Theo biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 11/4/2025 bị đơn Nguyễn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Lê T quen nhau rồi rồi đăng ký kết hôn tại UBND TT tỉnh Vĩnh Long cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có cũng có nhiều quan điểm bất đồng, không cùng tiếng nói nên tôi đồng ý ly hôn với Lê T;

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 10/02/2021, hiện đang sống với chị T, tôi yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung Nguyễn Đ không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung Nguyễn Đ trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc tranh chấp về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa Lê T và Nguyễn Đ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Toà án đã triệu tập hợp lệ đối với Nguyễn Đ để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Toà án đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do, do đó Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với Nguyễn Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ cùng thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ.

[2] Về con chung: Chị T và anh Đ có một con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 10/02/2021, hiện nay chị T đang nuôi con chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và anh Đ cũng yêu cầu nuôi con, từ khi vợ chồng xa nhau chị T trực tiếp nuôi con

việc giao con cho ai nuôi là xem xét điều kiện để nuôi con, chị T đang trực tiếp nuôi dạy con tốt, có đủ điều kiện nuôi con, đối với anh Đ Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng về việc cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc yêu cầu nuôi con cho anh Đ nhưng đến nay anh Đ không cung cấp cho Toà án nên Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao con cho chị T nuôi là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị T và anh Đ trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê T được ly hôn với anh Nguyễn Đ.

2. Về con chung: Chị Lê T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 10/02/2021. Chị Lê T không yêu cầu anh Nguyễn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Chị Lê T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Lê T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005772, ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

(Chị Lê T đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/6/2025). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho đương sự hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm